

**CÔNG TY TNHH SOLAR THỊNH PHƯỚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SOLAR THỊNH PHƯỚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801222200

**3. Ngày thành lập:** 08/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ấp 1, Xã An Khương, Huyện Hón Quán, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0909098368

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                | 3320        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 3.  | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                          | 3511(Chính) |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                  | 4322        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                        | 4659        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn ĐTXD công trình nhà máy thủy điện;<br>- Tư vấn ĐTXD công trình nhà máy nhiệt điện;<br>- Tư vấn ĐTXD công trình đường dây và trạm biến áp. | 7110        |
| 7.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                              | 6619        |
| 8.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                | 8299        |
| 10. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                          | 0150        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                           | 0161        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                        | 0163        |
| 13. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                                                                                | 0311        |
| 14. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                             | 0312        |
| 15. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                               | 0321        |
| 16. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                            | 0322        |
| 17. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                        | 1010        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                            | 0162        |
| 19. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                | 1020        |

|     |                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                           | 1030 |
| 21. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                  | 1075 |
| 22. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                         | 1079 |
| 23. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                  | 2100 |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                         | 4330 |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                    | 4390 |
| 26. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                     | 4632 |
| 27. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                      | 4690 |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4711 |
| 29. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                     | 4719 |
| 30. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4722 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ "Bán lẻ súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và kim tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu") | 4773 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                            | 5210 |
| 33. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                         | 7120 |
| 34. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                              | 7212 |
| 35. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                        | 7214 |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                         | 7730 |
| 37. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                   | 0118 |
| 38. | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                | 0119 |
| 39. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                       | 0121 |
| 40. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                    | 0131 |
| 41. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                     | 0132 |
| 42. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                      | 0146 |
| 43. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                         | 0149 |
| 44. | Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan (hoạt động khai thác tổ yến ở hang, xây nuôi nhà gọi yến)                                                                          | 0170 |
| 45. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                      | 4669 |
| 46. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                 | 4620 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHU THỊ HẠNH HUYỀN Giới tính: Nữ  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 30/10/1981 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy chứng thực cá nhân: 040181000057  
Ngày cấp: 27/05/2014 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 208 C3, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Chỗ ở hiện tại: Phòng 208 C3, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước